|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  **TRƯỜNG PTDTBTTHCS PU NHI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Pu Nhi, ngày 15 tháng 09 năm 2022* |

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**1. Mục tiêu cụ thể**

**1.1 Duy trì và phát triển quy mô trường lớp:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | Số lớp | | Số học sinh | | | |
| KHG | Thực hiện | KHG | Thực hiện | Duy trì | Tỉ lệ duy trì (%) |
| 6 | 3 | 4 | 124 | 132 | 130 | 98,5 |
| **7** | 4 | 4 | 145 | 144 | 142 | 98,6 |
| 8 | 3 | 3 | 120 | 118 | 118 | 100 |
| 9 | 3 | 3 | 99 | 98 | 98 | 100 |
| **Tổng** | **13** | **14** | **488** | **492** | **488** | **99,2** |

**1.2. Chất lượng học sinh**

+ Khối 6,7:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TS**  **HS** | **Hạnh kiểm** | | | | | | **Học lực** | | | | | | | |
| **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| **SL** | **TL**  **%** | **SL** | **TL**  **%** | **SL** | **TL**  **%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL**  **%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** |
| **6** | **132** | 93 | 70,9 | 30 | 22,9 | 8 | 6,2 | 13 | 9,9 | 40 | 30,5 | 78 | 59,6 | 0 |  |
| **7** | **144** | 98 | 70 | 30 | 21,4 | 12 | 8,6 | 12 | 8,5 | 44 | 31,1 | 84 | 60,4 | 0 |  |

- Khối 6 có 01 học sinh khuyết tật học hoà nhập không đánh giá, tổng học sinh được đánh giá là 131 em.

- Khối 7 có 04 học sinh khuyết tật học hoà nhập không đánh giá, tổng học sinh được đánh giá là 140 em.

+ Khối 8, 9

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TS**  **HS** | **Hạnh kiểm** | | | | | |  | **Học lực** | | | | | | | | | | | |
| **Tốt** | | **Khá** | | **TB** | |  | **Giỏi** | | | **Khá** | | | **TB** | | | **Yếu** | | |
| **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** |  | **SL** | **TL%** | **SL** | | **TL%** | **SL** | | **TL%** | **SL** | | **TL%** |
| **8** | **118** | 81 | 69,8 | 29 | 24,1 | 6 | 6,1 |  | 10 | 8,6 | 36 | | 31 | 70 | | 60,4 | 0 | |  |
| **9** | **98** | 69 | 71,1 | 26 | 26,8 | 2 | 2,1 |  | 10 | 10,3 | 30 | | 30,9 | 57 | | 58,8 | 0 | |  |

- Khối 8 có 02 học sinh khuyết tật không đánh giá

- Khối 9 có 01 học sinh khuyết tật không đánh giá

- Chuyển lớp: 492/492 = 100%

- TN THCS : 98/98 = 100%

- Điểm trung bình các môn học đánh giá bằng điểm số tăng từ 0.2 đến 0.3 điểm/môn;

- Điểm trung bình các môn thi vào lớp 10 đạt từ 3.4 điểm trở lên (tăng 0.2 điểm so với năm học trước): Trong đó: môn Toán đạt 4,3 điểm trở lên; môn Văn 4,46 điểm trở lên; môn Tiếng Anh đạt 2 điểm trở lên

- Duy trì sĩ số: 483/492 = 98,1%

- Tỷ lệ chuyên cần: 96% trở lên.

- Danh hiệu thi đua của học sinh:

+ Đối với học sinh lớp 6,7 thực hiện đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021: Xuất sắc: 02/271 = 0,7 %

Giỏi: 14/271 = 5,2%

+ Khối 8, 9: Giỏi: 11/213 = 5,2%;

Tiên tiến: 66/213 = 31 %

- Các cuộc thi của học sinh:

+ Thi HSG giải toán bằng MTCT: Cấp huyện: 01/02 học sinh đạt giải và được tham gia thi cấp tỉnh.

+ Học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9:

Số học sinh dự thi cấp huyện: 12 em ( trong đó: Địa Lí 02 em; Vật Lí 02 em; GDCD: 04 em; Sử 03 em, sinh 01 em)

Số đạt giải cấp huyện và được ôn luyện tham gia thi cấp tỉnh: 6 em ( trong đó: Địa Lí 02 em; Vật Lí 01 em; GDCD: 02 em; Sử 01 em)

Đạt giải cấp tỉnh 02 em: ( Trong đó có 01 em môn Địa; 01 em môn GDCD).

+ KHKT: Có ít nhất 01 sản phẩm dự thi cấp trường (tháng 9/2022), lựa chọn 01 sản phẩm dự thi cấp huyện (tháng 10/2022);

+ Thực hiện ít nhất 02 hoạt động giáo dục lớn thuộc 2 tổ chuyên môn KHTN và KHXH trong năm học.

+ Tổ chức tuyên truyền 01 chủ đề về ATGT trong năm học;

+ Thực hiện 01 buổi tập huấn về công tác đảm bảo an toàn PCCC trong tháng 10;

**1.3. Các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.**

- Thực hiện BDHS Giỏi vào các buổi chiều trong tuần

- Thực hiện ôn thi vào lớp 10 THPT

- Tham gia thi giai điệu tuổi hồng cấp cụm, huyện có tiết mục được lựa chọn đi tham gia thi cấp tỉnh

- Tham gia Hội thi tìm hiểu Pháp luật và giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho học sinh các trường THCS trên địa bàn huyện Điện Biên Đông năm 2022 nằm trong tốp các trường đạt giải.

- Tổ chức 2 hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo chủ đề cho học sinh/năm học: Tổ chức Lễ hội Tết truyền thống dân tộc Mông vào tháng 1/2023 và Lễ hội cắm trại chào mừng ngày thành lập Đoàn TN vào 26/3.

**1.4. Phụ đạo học sinh yếu kém:**

- Thực hiện dạy học thêm 2 buổi/tuần đối với các học sinh yếu kém của từng khối

**2. Công tác phổ cập giáo dục**

**2.1. Nhiệm vụ**

- Duy trì đạt chuẩn phổ cập mức độ 2 năm 2022.

- Điều tra thông tin và cập nhật phiếu điều tra hàng năm đảm bảo chính xác khoa học

- Xây dựng hồ sơ đề nghị kiểm tra công nhận duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2

**2.2. Chỉ tiêu**

- Tỷ lệ chuyển cấp TH lên THCS đạt 100%

- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 99,2% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học THCS: 95,7%

- Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp THCS: 92,1%

- Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học THCS: 4,3 %

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 100%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS: 78,9%

- Tỉ lệ từ 15 đến 18 tuổi có bằng TN THCS từ 83,7% trở lên.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

***Hoàng Quốc Huy***